TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/DS-ST
Ngày 04-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2014/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2014, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Phúc L - Sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: Đồ Chiểu, phường M, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quang H - Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên M K thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Sỳ A H – Sinh năm 1972, địa chỉ cư trú: Nguyễn An Ninh, phường B , thành phố V T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Sỳ Mỹ P – sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: Nguyễn An Ninh, phường B, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)

2. Ông Phan Quang T – Sinh năm 1971, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cô Giang, phường B, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện T , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-3-2014, các lần làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Lê Thị Phúc L trình bày:

Khoảng tháng 01 năm 2013, bà Lê Thị Phúc L có cho ông Phan Quang T và bà Sỳ A H vay số tiền là 300.000.000đồng và 18 cây vàng SJC để kinh doanh. Khi vay bà H và ông T thế chấp cho bà L 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy do bà Sỳ Mỹ P đứng tên và 02 giấy do bà H đứng tên.

Sau đó, bà H trả cho bà L số tiền 300.000.000đồng và 04 cây vàng SJC bằng cách giao cho bà L 11 phòng trọ. Ngày 09-10-2013, bà H làm văn bản xác nhận còn nợ bà L 14 cây vàng SJC. Bà L trả lại cho bà H 01 Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà H và giữ lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H và bà P đứng tên.

Nay bà L yêu cầu bà H và ông T phải liên đới trả cho bà L 14 cây vàng SJC còn nợ (Giá vàng SJC tại thời điểm xét xử ngày 04-8-2017 là 36.280.000đồng/01cây), tương đương số tiền 507.920.000đồng và bà L sẽ trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ.

Theo bản tường trình, các lần làm việc và tại phiên tòa, bị đơn – bà Sỳ A H trình bày:

Bà Sỳ A H và ông Phan Quang T sống chung với nhau từ năm 1995 và có 03 con chung, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông T có vay mượn tiền của bà Lê Thị Phúc L, mục đích để xây phòng trọ cho thuê. Ông T trực tiếp giao dịch và thỏa thuận với bà L về việc vay mượn số tiền 300.000.000đồng và 18 cây vàng SJC, bà H có ký vào hợp đồng vay và thế chấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 giấy đứng tên bà H , 01 giấy đứng tên em gái bà H là Sỳ Mỹ P.

Sau khi ông T bỏ đi, khoảng tháng 10-2013 bà H đã trả cho bà L số tiền 300.000.000đồng và 04 cây vàng SJC bằng cách giao cho bà L 11 phòng trọ và làm giấy xác nhận còn nợ bà L 14 cây vàng SJC. Bà L đã trả lại cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H và giữ lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà L , bà H xác nhận số nợ 14 cây vàng SJC là nợ chung của bà H và ông T . Vì vậy, bà H và ông T cùng có trách nhiệm trả cho bà L 14 cây vàng SJC, tương đương số tiền 507.920.000đồng, bà H đề nghị bà L trả lại cho bà H và bà P 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L đang giữ.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 19-4-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Quang T trình bày: Ông T và bà Sỳ A H sống chung với nhau từ năm 1995 và có 03 con chung, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Vào khoảng tháng 9 năm 2012, ông T và bà H có thỏa thuận thuê đất tại phường B, Tp. VT, với mục đích xây phòng trọ để cho thuê. Để có tiền xây phòng trọ ông T là người trực tiếp giao dịch và thỏa thuận với bà Lê Thị Phúc L để vay số tiền 300.000.000đồng và 18 cây vàng SJC, ông T đưa cho bà L 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H không giao dịch, nhưng do Giấy tờ đất đứng tên bà H

nên bà H ký vào hợp đồng vay và thế chấp. Đến năm 2014, ông T bỏ trốn khỏi địa phương do bị truy nã về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Nay bà L khởi kiện yêu cầu trả nợ thì ông T đồng ý trả nợ cho bà L và đề nghị Tòa án căn cứ vào những quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Qua các lần làm việc và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Sỳ Mỹ P trình bày:

Bà P là người đứng tên đồng sử dụng với bà Sỳ A H lô đất 86.8m^2 thửa đất số 139, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường B, Tp.VT được UBND Tp.VT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 334505 ngày 12-4-2012. Khoảng đầu năm 2013, ông Phan Quang T nói bà P đưa Giấy tờ đất để cho ông T đi chỉnh sửa gì đó, sau này bà P mới biết ông T đem đi thế chấp cho bà L để vay tiền. Nay bà P đề nghị bà L trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BI 334505 cho bà P vì bà P không liên quan đến việc vay mượn giữa ông T, bà H với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Phúc L đối với ông Phan Quang T và bà Sỳ A H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Phúc L khởi kiện bà Sỳ A H yêu cầu trả số nợ còn lại đã vay nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn là bà Sỳ A H hiện đang cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Ông Phan Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Thị Phúc L , ông Phan Quang T và bà Sỳ A H đều xác nhận: Bà L cho ông T và bà H vay số tiền 300.000.000đồng và 18 cây vàng SJC, mục đích để kinh doanh. Khi vay, ông T và bà H thế chấp cho bà L 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 giấy đứng tên bà H, 01 giấy đứng tên bà Sỳ Mỹ P, các bên có lập hợp đồng vay và thế chấp ngày 16-01-2013. Sau khi ông T bỏ đi, bà H đã trả cho

bà L số tiền 300.000.000đồng và 04 cây vàng SJC bằng cách giao cho bà L 11 phòng trọ và lấy lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H. Ngày 09-10-2013, bà H làm giấy xác nhận còn nợ bà L 14 cây vàng SJC.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà Sỳ A H và ông Phan Quang T phải liên đới trả cho bà L 14 cây vàng SJC, tương đương số tiền 507.920.000đồng (Giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 04-8-2017 là 36.280.000đồng/1 cây vàng SJC), bà L sẽ trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Phúc L , thì thấy:

* Đối với yêu cầu ông Phan Quang T và bà Sỳ A H phải liên đới trả 14 cây vàng SJC, tương đương 507.920.000đồng: Số vàng này có nguồn gốc từ số tiền 300.000.000đồng và 18 cây vàng SJC mà bà L đã cho ông T và bà H vay để kinh doanh, đã được các bên thừa nhận. Sau khi ông T bỏ đi, bà H đã trả cho bà L số tiền 300.000.000đồng và 04 cây vàng SJC nên số nợ 14 cây vàng SJC còn lại là có thật. Tuy ông T và bà H không đăng ký kết hôn, nhưng ông T và bà H đều thừa nhận là đã sống chung từ năm 1995 và có 03 con chung. Khi bà L cho vay tiền và vàng thì ông T và bà H vẫn đang sống chung với nhau, mục đích vay là để kinh doanh phòng trọ tạo thu nhập trang trải cho chi tiêu, sinh hoạt cuộc sống hàng ngày của gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà H. Vì vậy, bà L yêu cầu ông T và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L 14 cây vàng SJC còn nợ, tại thời điểm xét xử ngày 04-8-2017 giá vàng SJC được niêm yết trên thị trường là 36.280.000đồng/01cây, tương đương với số tiền 507.920.000đ (Năm trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng) là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2010.

* Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 3334504 và số BI 3334505 được UBND Tp. VT cấp ngày 12-4-2012 do bà Sỳ A H và bà Sỳ Mỹ P đứng tên cùng sử dụng đất với người khác: Khi vay tiền và vàng, ông T và bà H có thế chấp cho bà L 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 02 giấy đứng tên bà H, 01 giấy đứng tên bà Sỳ Mỹ P, các bên có lập hợp đồng vay và thế chấp ngày 16-01-2013. Sau đó, bà L trả lại cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H và giữ lại 02 giấy đứng tên bà H và bà P đồng sử dụng đất. Xét, tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp này thì thấy: Hợp đồng thế chấp này tuy được lập thành văn bản, nhưng không được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005, tài sản thế chấp không được đăng ký giao dịch bảo đảm, quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận không phải là của ông T đứng tên, còn bà H chỉ đứng tên đồng sử dụng đất với bà P nên xác định việc thế chấp này không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bà L phải có trách nhiệm trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và bà P, cụ thể: Trả lại cho bà Sỳ A H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 3334504 được UBND Tp. VT cấp ngày 12-4-2012 do bà Sỳ A H đứng tên cùng sử dụng đất với người khác; trả lại cho bà Sỳ M P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 3334505 được UBND Tp.

Vũng Tàu cấp ngày 12-4-2012 do bà Sỳ Mỹ P đứng tên cùng sử dụng đất với người khác:

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phúc L được chấp nhận nên bà Sỳ A H và ông Phan Quang T phải chịu án phí trên số tiền 507.920.000đồng phải trả cho bà L là 24.316.800đồng (Cách tính: 400.000.000đồng là 20.000.000đồng + (107.920.000đồng x 4%) = 24.316.800đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Phúc L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2010; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Phúc L đối với bà Sỳ A H và ông Phan Quang T :

Buộc bà Sỳ A H và ông Phan Quang T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Phúc L số tiền 507.920.000đ (Năm trăm lẻ bảy triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Bà Lê Thị Phúc L phải có trách nhiệm: Trả lại cho bà Sỳ A H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 3334504 được UBND Tp. Vũng Tàu cấp ngày 12-4-2012 do bà Sỳ A H đứng tên cùng sử dụng đất với người khác; trả lại cho bà Sỳ Mỹ P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 3334505 được UBND Tp. Vũng Tàu cấp ngày 12-4-2012 do bà Sỳ Mỹ P đứng tên cùng sử dụng đất với người khác:

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Sỳ A H và ông Phan Quang T phải nộp 24.316.800đ (Hai mươi bốn triệu, ba trăm mười sáu ngàn, tám trăm đồng)

- Hoàn lại cho bà Lê Thị húc L số tiền tạm ứng án phí 12.584.000đ (Mười hai triệu, năm trăm tám mươi tư ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 023445 ngày 17-4-2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.